

NHỮNG ĐÁM MÂY TRÊN ĐỈNH NÚI PHỔ ĐÀ

Dường như ở cái tuổi ấu thơ, tôi biết buồn hơi sớm. Mẹ qua đời khi tôi vừa mới lên ba, cha tôi lại phải đi dạy học xa, cả tháng chỉ về một đôi lần, nên tôi lớn lên ở nhà ông bà nội. Được cô Út chăm sóc và ông bà nội cưng chiều hết mực, nên tôi không biết mình mồ côi mẹ. Đến năm, sáu tuổi, khi được đi học và chơi chung với bọn trẻ trong họ, nghe chúng nó gọi mẹ, tôi mới nhận ra là mình không có mẹ, nhưng tôi không nhớ bà, bởi trong ký ức non nớt của tôi hoàn toàn không có bóng dáng và nhất là khuôn mặt của bà.

Sau này nghe cô Út và mấy bà dì thường bảo là tôi rất giống mẹ, và ba tôi kể lại chuyện tình đẹp nhưng nhiều trắc trở của ông bà, chuyện làm dâu vất vả, rồi những ngày bệnh đau và giờ phút lâm chung của mẹ, tôi mới bắt đầu thấy thần thờ thương nhớ mẹ.

Tôi thường một mình lên vào ngôi nhà tự (mà trước đây tôi rất sợ vì không khí trang nghiêm và những bài vị màu đỏ có viết mấy chữ Tàu), nhìn thật kỹ tấm ảnh của bà trên bàn thờ mà khóc thương bà. Và cũng từ khi ấy, tôi thấy thương và nhớ cha tôi nhiều hơn, biết bên ông không có bóng dáng của một người đàn bà như những người cha khác. Tôi bắt đầu biết buồn và nhiều lúc cũng biết cô đơn.

Mỗi lần như thế, tôi thường ra trước cổng nhà nội, đứng nhìn dãy núi Phổ Đà xa xa phía trước. Tôi thích hình dáng cánh chim đại bàng vĩ đại in trên vách núi. Mỗi lần có những áng mây bay qua, tôi bồn chồn lo lắng, vì ngỡ như cánh đại bàng hùng vĩ sẽ mang cả dãy núi Phổ Đà bay theo những áng mây bồng bồng thơ mộng ấy. Không biết trí óc tưởng tượng của con nít có phong phú như người lớn hay không, nhưng ngày ấy tôi cứ nghĩ cánh chim đại bàng là cha tôi, còn những đám mây là mẹ. Một cái cố định, một cái mơ hồ tan biến, mà vẫn luôn quyện vào nhau, khăng khít và đẹp đẽ đến vô cùng.

Sau này lớn lên, lần đầu tiên đi xa, đến chân núi Phổ Đà, khi nhận ra cánh chim đại bàng chỉ là do những tảng đá cùng các vật tranh tạo nên hình dáng. Tôi thoáng một chút buồn và thất vọng. Vậy mà không ngờ cái hình dáng chỉ có trong tưởng tượng ấy cũng đã theo tôi đến suốt cuộc đời.

Nghe nói người ta đi đâu cũng mang theo quê hương, còn riêng tôi đi đâu tôi luôn mang theo hình bóng dãy núi Phổ Đà. Uy nghi, thân thiết, như là bóng dáng của cha mẹ tôi, cái bóng hạnh phúc lớn lao phủ xuống cuộc đời mình. Mặc dù mỗi lần nhớ tới là tôi lại buồn, lại rơi nước mắt.

Năm lên trung học, tôi phải rời quê ra tỉnh học. Thành phố Nha Trang nổi tiếng nhờ có bờ biển đẹp. Nhưng nếu từ biển nhìn lên, không thấy dãy núi Đòng Bò ở hướng Cầu Đá và núi Hòn Khô ở phía đèo Rù Rì, cái đẹp của Nha Trang cũng mất đi nhiều lắm. Sau này,

núi Hòn Khô còn làm cho người ta nhớ đến bức tượng lính, của quân trưởng Đồng Đế với hai câu thơ rất lính “*Anh đứng ngàn năm thao diễn nghỉ, em nằm xõa tóc đợi chờ anh*”. Riêng tôi, sau nhiều năm sống ở thành phố này, vẫn có cảm giác chưa quen, bởi mỗi ngày không nhìn thấy cánh chim đại bàng và những đám mây bao phủ trên đỉnh núi Phở Đà. Nhiều đêm trong giấc mơ, thấy hình ảnh thân quen ấy. Thức dậy, tôi ngò miên man nhớ quê, nhớ cha mẹ và cả một thời thơ ấu.

Vào Nha Trang, với bao nhiêu háo hức của một thằng nhà quê lên tỉnh, vậy mà tôi lại thi rớt vào lớp đệ thất trường công lập Võ Tánh, nơi ước mơ lớn nhất của đám học trò quê. Mang nỗi buồn và một chút xấu hổ, tôi xin vào học lớp đệ lục trường tư thực Văn Hóa, sau mấy tháng hè nhờ cha tôi luyện tôi môn Pháp văn và chú tôi kèm môn toán. Nhập học vài tuần tôi quen Phan, bạn cùng lớp, rồi sau đó trở nên thân thiết. Không phải chỉ vì hai đứa đều là học trò cưng của thầy cô hiệu trưởng Nguyễn Bá Mậu, mà là vì bất ngờ nhận ra người cùng quê quán.

Phan sinh ra ở quê. Nhà ông bà nội của Phan nằm cạnh Quốc lộ số 1, cũng không xa dãy núi Phở Đà. Lên sáu tuổi, Phan theo gia đình vào Nha Trang, rồi ở luôn tại đây, vì cha Phan trở thành nhà thầu khoán xây cất khá nổi tiếng ở thành phố biển này.

Phan nhỏ hơn tôi một tuổi, cận thị hơi sớm, nên mang kính khá dày, rất chăm học và tốt bụng, luôn tận tình giúp đỡ, vui vẻ với bạn bè. Tôi nhớ nhất là nụ cười của Phan. “Nụ cười rất có duyên, sau này sẽ làm khổ bao nhiêu cô con gái”, tôi thường nói đùa với Phan như thế. Những tháng nghỉ hè, Phan thường dắt theo cô em gái nhỏ về quê chơi. Nhân tiện dạy kèm thêm cho mấy đứa em con ông chú và cả cô em gái của mình. Cô bé còn nhỏ, học lớp nhì lớp nhất gì đó, nhưng trông khá xinh và tính tình cũng rất dễ thương. Trong suốt những mùa hè ấy chúng tôi thường đi chơi chung, đạp xe vào các làng quê, hoặc rủ nhau ra bên sông bơi lội, nô đùa.

Năm đệ tứ, vào những ngày nghỉ, tôi thường đến nhà Phan học chung. Hai thằng cùng nhau giải một bài toán khó hay dịch những bài Pháp văn trong các cuốn sách luyện thi trung học. Ở đây, tôi lại bất ngờ gặp Hồng, cô bé học trò xinh nhất của quê tôi, học sau bọn tôi hai lớp, vào ở trọ nhà Phan, theo học bên trường Nữ Trung Học. Thấy tôi ngạc nhiên, Phan nhướn miệng cười, bảo Hồng là cô em họ. Tôi mới nhớ ra, ở quê, nhà cha mẹ Hồng nằm không xa nhà ông bà nội của Phan. Mới học đệ lục, nhưng Hồng đã nổi tiếng đẹp, có bao chàng học trò si tình, và các anh sinh viên sĩ quan Hải Quân, Không Quân theo đuổi.

Cuối niên khóa ấy, Phan và tôi đều đậu Trung Học, rồi đầu hè cùng vào đệ tam trường Võ Tánh. Nhưng chúng tôi ít có dịp gặp nhau, vì tôi học ban C, còn Phan vào Ban B. Anh rất giỏi toán, còn tôi thì chỉ được môn Pháp văn do cha tôi dạy từ lúc còn rất nhỏ. Thịnh thoảng gặp Phan ở sân trường, hai thằng chỉ kịp vỗ vai hỏi một vài câu rồi vội vã chia tay vào lớp.

Cuối năm đệ nhất, sau kỳ thi tú tài 2, bất ngờ tôi gặp Phan ở quê, khi thấy Phan một mình đi lang thang dọc theo quốc lộ. Anh buồn bã cho biết là đã bỏ kỳ thi này, vì bị bệnh. Thấy anh có vẻ tiêu tụy và đôi mắt thật buồn, tôi bảo lên sau xe đạp ngòi, tôi sẽ đèo đi một vòng về hướng núi Phở Đà để viếng ngôi chùa Giác Hải rất đẹp, nằm trên một sườn đồi cao hướng xuống bờ biển xanh thơ mộng.

Vào chánh điện, trong lúc tôi tò mò xem cái đại hồng chung, Phan đến trước tượng Phật Quan Âm thấp hương, miệng lầm rầm cầu xin một điều gì đó, trông nét mặt rất khẩn khoản, chân thành. Trên đường trở về, khi dắt xe đến đỉnh đèo Dốc Thị, hai thằng dừng lại nghỉ chân. Trầm ngâm một lát, Phan bảo với tôi là ở ngay trên con dốc này, anh từng có nhiều kỷ niệm hẹn hò với một người con gái.

Nhìn dãy núi Phở Đà sừng sững trước mặt, tôi chỉ cho Phan những vách núi đá tạo nên hình dáng cánh đại bàng, đang phủ mờ bởi những áng mây lãng đãng, và kể cho Phan nghe những cảm xúc mà cái hình bóng ấy đã ngự trị trong tâm trí từ những ngày tôi mới lên ba. Không biết vì sao, câu chuyện lại trở nên hấp dẫn để Phan kể tiếp cho tôi nghe bao nhiêu chuyện tình đẹp và trắc trở, trong phim, trong sách, mà ngày ấy tôi chưa được xem, được đọc. Mặt trời lặn rất nhanh xuống bên kia núi, tôi giục lên xe, nhưng Phan vẫn đứng thẫn thờ nhìn ngọn núi, rồi buồn bã nói với tôi:

“Mai này, có chết, moa sẽ trở thành một đám mây, không bay đi đâu hết, mà bám chặt lấy đỉnh núi Phở Đà này”.

Tôi ngạc nhiên khi nhìn thấy Phan lau nước mắt rồi đọc hai câu thơ tình nghe buồn lắm:

*“Ta sẽ làm mây trên đỉnh núi
Nghìn năm ôm lấy cuộc tình em”.*

Lúc trước tôi chưa từng thấy Phan có nhiều cảm xúc và thích nói chuyện về thi phú bao giờ.

Sau này, nghe đám bạn bè kể lại. Phan học khá giỏi, kỳ thi tú tài 2 năm ấy, Phan có đi thi, nhưng thay vì mỗi lần nộp bài thi, Phan lại đem nộp một bài thơ dài đến mấy trang giấy, than thở chuyện tình buồn. Cả hội đồng giám khảo rất đỗi ngạc nhiên khi thảo luận về thái độ này của một thí sinh, nhưng cuối cùng tất nhiên là Phan rớt.

Tôi vào lính khi chiến tranh bắt đầu khốc liệt trên quê hương. Rời khỏi quân trường, được bổ nhiệm về một tiểu đoàn tác chiến lưu động trên Vùng Cao Nguyên nắng gió. Theo đơn vị rày đây mai đó, quanh năm sống với núi rừng, nhưng tôi vẫn luôn mang theo trong lòng bóng dáng núi Phở Đà của quê tôi, mà cả dãy trường sơn tôi không tìm thấy có nơi nào đẹp đẽ và hùng vĩ cho bằng.

Mỗi năm được đi phép một lần, tôi về quán quít bên cha và bà cô Út, người đã thay mẹ tôi nuôi nấng tôi từ lúc mới lên ba. Buổi chiều nào, khi mặt trời sắp lặn, tôi cũng chạy ra trước cổng nhà nội, đứng nhìn dãy núi Phở Đà mà lòng thấy lâng lâng nhớ. Nhớ tuổi ấu thơ, nhớ mẹ tôi, và nhớ cả Phan, người bạn thời trung học có lần muốn được làm mây phủ trên đỉnh núi.

Một lần, đơn vị đang hành quân tại vùng rừng núi Phú Yên, bất ngờ được lệnh kéo ra quốc lộ để được xe chở xuống bến tàu, nằm cạnh khu vực một Duyên Đoàn. Tối hôm ấy, chúng tôi cùng xuống tàu Hải Quân ra biển. Sáng sớm hôm sau, tàu cập bờ, ủi bãi, đổ chúng tôi xuống thành phố Nha Trang. Chưa kịp đi tìm một dấu tích kỷ niệm nào của thời đi học, thì khuya hôm ấy, chúng tôi lại lên xe rời xa thành phố. Cả đơn vị đổ xuống sân vận động Ninh Hòa lúc trời chưa sáng. Không ngờ cuộc hành quân này với tôi lại là một định mệnh. Tôi gặp cô nữ sinh có ngôi nhà ngói đỏ nằm ngay trước sân vận động, nơi đại đội tôi đóng quân, để sau này trở thành mẹ của mấy đứa con tôi, một đời cùng tôi thăng trầm sướng khổ.

Cũng ở nơi đây, ngay ngôi nhà bên cạnh, tôi bất ngờ gặp lại Hồng, cô học trò xinh đẹp cùng quê, có thời ở trọ nhà Phan, người bạn học sớm đã sâu đã cảm đã từng đọc nhiều bài thơ tình buồn giữa trời đất mênh mông, và viết những bài thơ tình dài hàng vài trang giấy đem nộp cho giám khảo trong kỳ thi tú tài, mà bạn bè đã kể lại cho tôi nghe. Hồng bây giờ đang là vị hôn thê của một vị sĩ quan có chức quyền ở đây. Tôi hỏi thăm Phan, Hồng cúi xuống bùi ngùi, bảo là Phan đã chết. Anh cũng là lính chiến và vừa mới tử trận ở đâu đó trong Vùng 3. Tôi ngẩn ngơ, nghe lòng chùng xuống, nhớ tới lời nói của Phan ngày trước, khi hai đứa chúng tôi đứng trên đèo Dốc Thị: “sau khi chết muốn được làm mây trên núi Phở Đà”.

Hơn một năm sau, vợ tôi sinh đứa con trai đầu lòng. Tôi về phép khi cháu tròn ba tháng. Đang vui mừng thì vợ tôi cho biết một tin buồn: vị sĩ quan ở nhà bên cạnh đã bị VC bắn chết trong khi ông chỉ huy cuộc tấn công vào một ngôi nhà được tình báo cho biết có một số cán bộ VC nằm vùng hội họp. Ông chết khi chuẩn bị làm đám cưới với Hồng, cô học trò hoa khôi ở quê tôi, có thời trọ học ở nhà Phan. Khi ấy cô vừa tốt nghiệp sư phạm để trở thành cô giáo. Thêm một chuyện tình buồn trong đám bạn bè tôi quen biết.



Vợ chồng tôi và 3 đứa con về thăm ba tôi cuối năm 1972

Mùa Hè Đỏ Lửa 1972, tôi bị thương khi cùng đơn vị hành quân tại phía Bắc thành phố Kontum. Xuất viện, được nghỉ bảy ngày phép, tôi về Ninh Hòa thăm vợ con và về quê thăm cha tôi và cô Út. Khi đến đỉnh đèo Dốc Thị bên núi Phở Đà, vừa dừng xe lại, bỗng tôi giật mình khi nhìn thấy một đám mây trắng bám trên đỉnh núi. Đám mây có hình một trái tim. Tôi nhớ tới Phan, nhớ tới câu nói của Phan cách đây đã gần mười năm, khi anh cùng tôi đứng ở nơi này.

Về quê chỉ có ba hôm, lại đứng vào dịp giỗ mẹ. Tôi quanh quẩn bên cha tôi. Nghe ông kể bao nhiêu chuyện cũ. Còn tôi thì kể chuyện chiến trường. Rồi cha con bàn bạc lo âu trước tình hình kẻ thù vừa thắng thế trong một hiệp định ngưng bắn. Không hiểu phía Mỹ nhượng bộ quá mức như vậy để rồi sẽ làm gì bảo vệ được miền Nam như từng cam kết. Ngày giỗ mẹ tôi lại là ngày cuối, nên cha tôi tổ chức cúng giỗ sớm, để tôi kịp thắp hương lay mẹ, rồi lên đường. Khi thắp hương trên bàn thờ, tôi đứng lặng im nhìn thật kỹ tấm ảnh của bà. Bỗng dưng tôi có cảm giác như bà đang nhìn tôi mỉm cười. Thấy bà cười mà tôi lại khóc. Nước mắt chảy dài trên má. Ban đầu tôi cứ ngỡ là do mùi hương làm cay khóe mắt.

Chia tay cha và cô Út cùng bà con họ hàng nội ngoại, trên đường trở lại Ninh Hòa, tôi ghé thăm một cô bạn cũ. Chỉ mới vài năm, mà khu phố dọc theo quốc lộ này đổi thay nhiều quá. May mắn tôi đến đúng nhà Hồng. Rất bất ngờ khi thấy một vị thầy tu ra mở cửa. Ông rất lịch sự vui vẻ bắt tay và mời tôi vào nhà. Tôi vô cùng ngạc nhiên khi Hồng giới thiệu ông là chồng sắp cưới của Hồng. Tôi thoáng nghĩ chắc là Hồng đã ngộ ra điều “hồng nhan đa truân”, nên muốn tìm một bến nước bình an, sau những cuộc tình bất trắc. Nghe nói ông là giáo sư dạy ở trường trung học Bồ Đề, nơi Hồng có dạy thêm vài giờ mỗi tuần. Tôi bỗng nhớ tới bộ phim *The Sound Of Music* vừa mới xem ở rạp Tân Tân. Khi đưa nữ tu Maria Rainer (tài tử Julie Andrews thủ vai) ra khỏi nhà dòng để làm cô giáo riêng cho các con của một vị sĩ quan giàu sang góa vợ, Mẹ Bề Trên đã vui vẻ bảo rằng: *“Tốt lắm! Mẹ và các sœur sẽ cầu nguyện cho con, vì bất cứ nơi nào con tìm thấy hạnh phúc là ở nơi ấy sẽ có Chúa”*. Sau này cô Maria trở thành người vợ yêu quý của ông sĩ quan đào hoa nhưng khó tính ấy.

Lúc chia tay, tôi chúc Hồng sớm tìm lại được niềm vui và hạnh phúc. Tôi cũng nhắc đến Phan và cái chết đau đớn khá bất ngờ. Tôi thắc mắc không biết là Phan đã yêu ai, và dường như Phan đã khổ lụy bởi người tình này, nên mới làm những bài thơ tình nộp lên giám khảo, bất chấp chuyện rớt tú tài. Cái bằng quyết định cho cả một đời của đám con trai. Hồng chỉ gật đầu, im lặng, tiễn tôi ra cửa.

Đầu năm 73, qua nhiều trận chiến khốc liệt tại Cao Nguyên, đơn vị tôi được bổ sung một số sĩ quan chỉ huy cấp đại đội, lấy ra từ các quân trường. Một buổi chiều, khi đang ngồi tán gẫu cùng một số đồng đội trong chiến đoàn, tôi được vị sĩ quan quân số đưa ba anh sĩ quan mới vào giới thiệu. Bất ngờ tôi nhận ra Âu, người bạn thân cùng lớp thời trung học. Ôm nhau mừng rỡ, tôi kéo Âu đến căn hầm tôi ở uống một ly cà phê “đã chiến”. Bạn bè xa cách đã hơn mười mấy năm, giờ gặp lại có bao nhiêu điều để nói. Chúng tôi điếm danh lại đám bạn bè xem đứa nào mất đứa nào còn, và bây giờ đang lang bạt nơi đâu. Khi nghe tôi nhắc đến Phan, và cho biết Phan đã tử trận theo lời kể của Hồng, cô em họ từng ở trọ nhà Phan, Âu để vôi ly cà phê xuống bàn, đôi mắt sáng lên, như vừa nhớ ra điều gì quan trọng lắm, rồi buồn bã kể lại:

– Phan vào Thủ Đức cùng khóa và ở chung một đại đội SVSQ với mình. Nó bỏ thi tú tài 2 mấy lần, rồi cuối cùng cũng đậu, cũng vào Sài Gòn học đại học. Nhưng khi vào Thủ Đức nó sống bất cần đời, như một người luôn bất mãn. Nó thường bảo nó chỉ thích làm lính chứ không thèm làm quan. Có những đêm hai thằng nằm ngoài bãi tập, nó kể cho mình nghe chuyện nó yêu Hồng. Từ lúc Hồng vào Nha Trang trọ học ở nhà nó, sự gần gũi đã làm cho tình yêu mãnh liệt hơn. Nhưng khi biết được điều ấy, cha mẹ nó ngăn cản quyết liệt vì bà nội nó cho biết là Hồng có họ hàng xa. Nó phản đối điều ấy, cho là họ hàng quá xa nên không còn huyết thống, chẳng có gì trái với đạo lý. Nhưng áo không mặc qua khỏi đầu. Hơn nữa bà nội Phan là người rất nghiêm khắc với nề nếp cũ. Sau khi Hồng rời khỏi nhà trọ, nó thất tình, bỏ thi, bỏ học. Vào Thủ Đức, Phan cứ tìm mọi cách hủy hoại đời mình. Gây gổ với các sĩ quan cán bộ và huấn luyện viên. Cắm trại, tiểu đội đang canh gác ở khu trại gia binh, nó bỏ súng, chui rào trốn về Sài Gòn uống rượu. Bị bắt giam ở 301, nó đánh luôn mấy tay Quân Cảnh. Chưa hết giai đoạn 1, Phan bị ra trường với cấp bậc Hạ sĩ, đưa ra một đơn vị Biệt Động Quân. Trước đó, khi vào Sài Gòn, nó ở nhà tướng Đỗ Mậu. Ba nó quen thân với ông tướng này, từ lúc ông còn ở Nha Trang, vì đã thâu xây cất nhiều dinh thự cho ông. Sau này Phan còn dạy kèm Anh văn cho bà vợ của ông ấy nữa. Nhưng nó nhất định giấu kín gia đình và không hề nhờ ông tướng này giúp đỡ. Nó bảo là nó cũng chẳng ưa gì ông ta. Sau này nghe thằng bạn cùng khóa ở cùng tiểu đoàn với Phan kể lại: Phan về Nha Trang thăm gia đình và mừng cô em gái thi đỗ tú tài, như nó đã từng hứa khi còn dạy kèm cho cô em mà nó đã hết lòng yêu thương lo lắng. Trở về đơn vị mấy ngày là nó hy sinh, khi dắt tiểu đội xông vào phòng tuyến địch. Dường như trên chiến trường nó can đảm, gan dạ liều lĩnh hơn trong tình trường. Nó chết khi vừa nhận được quyết định trở về quân trường Thủ Đức học lại khóa sĩ quan vào đầu tháng tới.

Tôi nhớ tới mấy câu thơ tình buồn mà Phan đã đọc vội cho nghe, ước mong sau khi chết, biến thành đám mây trên đỉnh núi Phở Đà. Dãy núi cao nhất, hùng vĩ nhất ở quê nó, quê tôi, và cả quê Hồng, cô em họ hàng xa mà nó đã hết lòng yêu và phá nát cuộc đời mình khi biết là không thể.

Sáng ngày 13/3/75, sau hai ngày thành phố Ban Mê Thuột, nơi có bản doanh Bộ Tư Lệnh Sư Đoàn, mất vào tay giặc, đơn vị tôi từ Hàm Rồng – Pleiku, được trực thăng vận khẩn cấp xuống Phước An (quận lỵ cuối cùng còn lại của tỉnh Đắc Lắc, nằm bên QL14, trên đường về Khánh Dương–Ninh Hòa) trong kế hoạch tái chiếm thành phố này. Khi cuộc đổ quân chưa hoàn tất thì Pleiku và Kontum có lệnh di tản. Một nửa đơn vị của tôi còn kẹt lại ở Pleiku phải triệt thoái theo con đường “tử lộ” 7.B. Khi về đến Tuy Hòa chỉ còn gần một phần tư quân số. Rất nhiều đồng đội, bạn bè của tôi đã chết hay mất tích. Hai thằng bạn thân, đều là tiểu đoàn trưởng đã tự sát trước khi lọt vào tay giặc.

Rồi bất ngờ cả miền Trung có lệnh bỏ ngõ. Tôi theo cấp chỉ huy và một số đồng đội tiếp tục di tản vào Nam. Lúc tập trung tại Vũng Tàu, để cùng nhiều đơn vị di tản khác tái tổ chức thành một đơn vị mới, tôi bất ngờ gặp một số người quen ở quê tôi, cho biết cha tôi đã bị Cộng quân bắt giam tại một hòn đảo nhỏ. Tôi đau buồn lo lắng cho ông, nhưng chẳng biết phải làm gì trong hoàn cảnh này. Tái tổ chức và trang bị xong, chúng tôi nhận lệnh di chuyển xuống Bến Lức – Long An, nhằm ngăn chặn Cộng quân bao vây và tiến chiếm Sài Gòn. Ngày 30/4 lúc ông Dương Văn Minh tuyên bố đầu hàng, đơn vị tôi đang hành quân tái chiếm xã Mỹ Lộc thuộc quận Cần Giuộc. Một số đồng đội của tôi đã hy sinh đúng vào giờ thứ 25. Chúng tôi chỉ kịp chôn vội họ trong những khu vườn vắng chủ.

Cuối cùng thì miền Nam cũng thất thủ. Tôi trở lại Sài Gòn tìm gặp vợ con. Tối 30/4, một người bạn thân tìm chúng tôi, bảo là gia đình anh ta đã mua được chiếc thuyền máy, rủ chúng tôi cùng vượt biển ra hạm đội Mỹ đang còn chờ ngoài hải phận. Tôi khao khát ra đi, nhưng nghĩ đến cha tôi, cả một đời gà trống nuôi con, tôi không đành lòng bỏ ông ở lại trong hoàn cảnh khốn cùng này. Tôi tìm đủ phương tiện vội vã về lại quê nhà. Hỏi thăm, biết được cha tôi bị nhốt trong trại tù trên núi Đá Bàn, một mật khu của Cộng quân lúc trước. Tôi tìm lên thăm, nhưng không được gặp. Cuối cùng, bọn cai tù chỉ nhận tấm giấy ghi vài dòng, tôi báo cho cha tôi biết là vợ chồng tôi và các con đều bình an. Nhưng không chắc là có đến tay ông.

Rời khỏi quê, mang theo bao đau đớn trong lòng. Khi đến chân núi Phở Đà, tôi dừng lại khá lâu. Trời mưa tầm tã, những đám mây đen che khuất hình dáng cánh đại bàng. Cả dãy núi chỉ còn là một bóng đen to lớn, nhạt nhòa trong những cơn mưa như trời đang trút nước. Tôi bật khóc. Trên tóc, trên mặt ướt đẫm nước. Nước mưa và nước mắt.

Vào tù. Hơn tám năm lưu đày từ Nam ra Bắc, tôi vẫn luôn mang theo bóng dáng dãy núi Phở Đà. Mỗi lần hình dung tới cánh chim đại bàng và những áng mây bao phủ, lòng tôi ngậm ngùi, tiếc nhớ mông lung. Nhưng cũng chính hình ảnh ấy đã giúp tôi có thêm nghị lực vượt qua bao lần tuyệt vọng. Năm năm sau khi bị chuyển ra Bắc, nhận thư vợ, đọc

mấy dòng bóng gió, chỉ có người trong cuộc mới hiểu được, tôi biết cha tôi đã chết ở một trại tù khác trong Nam. Ông chết đã gần năm năm rồi, bây giờ tôi mới biết. Hôm ấy, đội tù chúng tôi phải lên núi đi tìm lấy nửa. Mỗi người phải mang về đủ chỉ tiêu ba mươi cây nửa mới được cấp phần ăn, dù chỉ vài củ sắn. Tôi đã tìm vào một hốc đá nằm la khóc một mình. Buổi chiều về tay không, các bạn tù thương tình chia bớt cho tôi một ít nửa, vừa đủ để tôi không mất phần sắn và bị cùm. Một tuần sau, soi mặt trên bờ con suối nhỏ, tôi giật mình khi thấy mái tóc bạc trắng. Khi ấy tôi chưa tới tuổi bốn mươi.

Từ ấy, trong những giấc chiêm bao, tôi thường thấy cánh chim đại bàng trên núi Phở Đà rũ xuống và nhuộm đỏ màu máu. Các đám mây chung quanh cũng tạo thành những chiếc ao treo lơ lửng giữa trời, cũng chứa toàn máu. Giật mình trong bóng đêm, đưa tay sờ trên gò má, nước mắt ràn rụa, tôi nghĩ mình cũng vừa khóc ra máu mắt.

Hơn tám năm khốn cùng trong tù ngục, tôi được thả về với một xác thân tiêu tụy và tâm trí mỗi mòn. Cầm tấm giấy ra trại, tôi lang thang tìm về quê vợ, một thị trấn nhỏ nơi vợ con tôi đang ở, với lòng dạ rối bời, ngao ngán. Niềm vui duy nhất là được gặp lại vợ con. Nhưng sau khi sum họp mới được bốn ngày, chưa kịp làm quen với mấy đứa con, mà đứa nhỏ nhất, sinh ra sau bốn tháng tôi vào tù, chưa hề biết mặt cha, tôi được công an gọi lên trình diện. Họ quyết định trả tôi lại trại tù với lý do: “nhân dân ở đây không chấp nhận anh”. Trở lại nhà tù. Một tuần sau, tôi nhận tấm giấy ra trại khác, về “trình diện chính quyền nơi sinh quán để xin tạm trú”.

Cuối cùng, lá chưa rụng mà đã phải về cội. Tôi một mình trở lại quê xưa, nơi tôi được sinh ra và lớn lên, sống một thời tuổi thơ không có mẹ. Bây giờ nơi ấy tôi chỉ còn bà cô già góa bụa sống một mình trong ngôi nhà từ đường có mái ngói âm dương của ông bà nội. Ngày xưa, chính cô đã nuôi nấng tôi khi tôi mất mẹ. Bây giờ cô lại cuu mang tôi khi tôi đã gần nửa đời người với một đám con thơ và những ngày dài mịt mờ trước mặt. Trên bàn thờ, giờ cũng đã thêm nhiều tấm ảnh chân dung mới. Trong đó có cha tôi và hai ông chú. Cha tôi chết ở trong tù. Còn hai ông chú tôi chết vì thương tích, bệnh tình mang về từ những trại tù cải tạo khác.

Chỉ có dãy núi Phở Đà vẫn còn đứng nguyên ở đó. Hôm đầu tiên ra cổng nhìn lên, tôi không còn thấy cánh đại bàng hùng vĩ ngày xưa. Cả đỉnh núi bị bao phủ bởi những đám mây đen buồn thảm, làm tối cả một vùng trời ảm đạm. Tôi hình dung đến cha mẹ tôi, hai ông chú và cả những đồng đội bạn bè, trong đó có Phan. Tất cả như đang ẩn hiện trong các đám mây mù buồn thảm ấy. Lòng tôi đau đốn như đang có trăm ngàn vết chém. Tôi thấp hương, nhắm mắt tưởng nhớ và cầu nguyện cho tất cả được siêu thoát trong một thế giới bình an, không còn có đau khổ, hận thù. Nghe tiếng sấm chớp, tôi giật mình mở mắt ra. Trời đang vần vũ một cơn mưa. Nhìn mưa trút nước từ những đám mây đen trên đỉnh núi Phở Đà, tôi có cảm giác như suối nước mắt của bao nhiêu người thân bất hạnh. Mưa dút. Những đám mây đen biến mất. Tôi cũng vừa mơ hồ nhìn thấy cánh chim đại bàng trên vách núi vỗ cánh bay đi, mắt hút cuối chân trời.

